

BÀI HỌC 8. ANH ĐÃ CÓ NHÀ RIÊNG CHƯA?

Bài 1. Dựa vào từ gợi ý trong ngoặc để thực hành theo mẫu sau:

(Use the given words to practice speaking as follow):

Mẫu: Anh/ ăn cơm (rồi)

→ Anh đã ăn cơm chưa?

Rồi, tôi đã ăn cơm rồi.

1. Mary/ mua xe đạp (rồi)

—?

—

2. Anh ấy/ làm bài tập (rồi)

—?

—

3. Peter/ gọi điện thoại cho mẹ (chưa)

—?

—

4. Họ/ đi Huế (rồi)

—?

—

5. Các anh/ xem phim này (chưa)

—?

—

6. Em ấy/ gặp bạn (chưa)

—?

—

7. Chị ấy/ họp với giám đốc (rồi)

—?

—

Bài 2. Dùng từ gợi ý để trả lời các câu hỏi sau:

(Use the given words to answer the questions):

Mẫu: Bà Lệ đã đi Trung Quốc chưa?

→ Rồi, bà ấy đã đi Trung Quốc rồi.

1. Giám đốc đã họp xong chưa?

– Chưa,

2. Anh Toàn đã đến Hàn Quốc chưa?

– Rồi,

3. Bạn ấy đã ngủ chưa?

– Rồi,

4. Bữa tiệc cuối năm đã bắt đầu chưa?

– Chưa,

5. Anh John đã mua đôi giày mới cho con trai chưa?

– Rồi,

Bài 3. Điền “đều/ vẫn/ cũng” vào chỗ trống:

(Fill in the blanks with “đều/ vẫn/ cũng”):

1. Hôm nay là chủ nhật nhưng tôi đi làm.

2. Tôi thích xem phim. Bố mẹ tôi thích xem phim. Gia đình tôi thích xem phim.

3. Anh Nam là kỹ sư. Em trai anh ấy là kỹ sư. Họ là kỹ sư.

4. Sáng nay, tôi chưa làm xong báo cáo.

5. Các anh ấy đã kết hôn.

6. Tôi thích uống cà phê và người yêu tôi rất thích uống cà phê.

7. Hôm nay trời mưa và rất lạnh nhưng các con tôi đến trường.

8. A: Đạo này chị làm việc ở đâu?

B: Chị dạy tiếng Việt ở trung tâm 123VIETNAMESE.

Bài 4. Đặt câu hỏi cho các câu trả lời sau:

(Make questions for the following sentences):

1. ?

– Chưa, mẹ chưa mua bánh mì.

2. ?

– Rồi, tôi mua bia rồi.

3. ?

– Chưa, cô ấy chưa đi chợ.

4. ?

– Vâng, tôi quen với cuộc sống ở Hà Nội rồi.

5. ?

– Chưa, taxi chưa đến.

6. ?

– Rồi, ông ấy đã ăn sáng rồi.

Bài 5. Chọn đúng hoặc sai vào các câu sau:

(Choose the following sentences are true or false):

		Đúng	Sai
1.	A. Bạn đã ăn bún chả nào chưa? B. Rồi, tôi ăn nhiều lần rồi. Ngon lắm.		
2.	A. Chị làm việc với anh Hùng chưa? B. Chưa, ngày mai.		
3.	A. Cô ấy chưa gặp ông giám đốc, phải không? B. Không, cô ấy chưa gặp.		
4.	A. Anh đến Hội An chưa? B. Chưa, tôi đã đến Hội An 3 lần rồi.		
5.	A. Ann đã học tiếng Việt không? B. Chưa. Ann chưa học.		

Bài 6. Sắp xếp các từ thành câu đúng:

(Arrange the given words to make meaningful sentences):

1. du lịch/ ở/ đi/ anh chị/ sẽ/ đâu/ năm nay/ mùa hè/ ?/

—

2. chúng tôi/ làm việc/ công ty/ ở/ vẫn/ Trần Anh./

—

3. học/ anh/ ở/ tiếng Việt/ đâu/ ?/

—

4. phở/ tôi/ vợ/ đều/ thích/ ăn/ tôi/ và./

—

5. gọi điện/ anh/ cho/ đã/ giám đốc/ chưa/ ?/

—

6. chị/ hoàn thành/ đã/ báo cáo/ chưa/ ?/

—

Bài 7. Nghe và chọn đáp án đúng cho các câu sau:

(Listen and choose the correct answers):

1. Ngày mai, anh sẽ đi thành phố Hồ Chí Minh phải không?

A. B. C.

2. Anh đã ăn cơm chưa?

A. B. C.

3. Em Bin đã uống sữa chưa?

A. B. C.

4. Anh đã tắt máy tính chưa?

A. B. C.

5. Anh Nam ơi, anh đã gọi taxi chưa?

A. B. C.

Bài 8. Nghe và trả lời các câu hỏi sau:

(Listen and answer the following questions):

1. Gia đình Nam có mấy người?

—

2. Nam là học sinh, phải không?

—

3. Ông bà Nam bao nhiêu tuổi?

—

4. Bà Nam thích làm gì?

—

5. Vào chủ nhật, bố Nam không phải đi làm phải không?

—

6. Em trai Nam cũng là sinh viên phải không?

—

7. Gia đình Nam thế nào?

—